

28/5/92
Ủy ban khoa học Nhà nước-Viện khoa học Việt nam
VIỆN ĐỊA CHẤT - TRUNG TÂM ĐỊA LÝ-TÀI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH TIẾN BỘ KHOA HỌC-KỸ THUẬT
"Z) ANH GIA TỔNG HỢP TỰ NHIÊN-KINH TẾ-XÃ HỘI
9 TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM".

----- / -----
BAO CAO TỔNG HỢP
(1990)

/-/a nội : 1991

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN
VIỆN ĐỊA CHẤT - TRUNG TÂM ĐỊA LÝ-TÀI NGUYÊN QUỐC GIA
1385-4/4
KHOA LƯU TRỮ
CÁC TÀI LIỆU NHIÊN DỒI

M U C L U C

M ở d ề :

I. Hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội

I.1. Hiện trạng tự nhiên

I.1.1 : Vị trí và điều kiện tự nhiên

I.1.2 : Tài nguyên thiên nhiên

I.1.3 : Đánh giá hiện trạng tự nhiên

I.2. Hiện trạng kinh tế

I.2.1 : Hiện trạng các ngành kinh tế

I.2.2 : Đánh giá hiện trạng kinh tế

I.3 : Hiện trạng xã hội - văn hoá

I.3.1 : Hiện trạng xã hội - văn hoá

I.3.2 : Đánh giá hiện trạng xã hội-văn hoá

II. Các giải pháp :

II.1 : Quan điểm chung

II.2 : Mục tiêu

II.3 : Phân vùng tự nhiên - kinh tế , những vùng động lực

II.4 : Những giải pháp khác

Kết luận

Văn liệu

M Ỏ Đ Ì U

MIỀN NÚI PHÍA BẮC VIỆT NAM - LANH THO NGHIÊN CỨU
CỦA CHƯƠNG TRÌNH BẢO GOM 9 TỈNH : QUANG NINH, LANG
SON, CAO BANG, HÀ BẮC, BẮC THAI, HÀ TUYẾN, HOANG
LIÊN SON, LAI CHAU VÀ SON LA . ĐÂY LÀ VÙNG MIỀN
NÚI, VÙNG BIÊN GIỚI VÀ VÙNG DÂN TỘC.

Miền núi phía bắc Việt nam - một trong những vùng kinh tế của đất nước ta, một vùng có vị trí chiến lược, đặc biệt quan trọng về kinh tế và quốc phòng đối với cả nước. Đây là vùng cửa ngõ trong quan hệ giao lưu của nước ta với nước ngoài, đặc biệt đối với Trung Quốc, không những ở trên lục địa mà còn ở trên biển. Đây/là một vùng có ý nghĩa sống còn đối với việc bảo vệ môi trường, môi sinh không chỉ cho nội vùng nghiên cứu, mà còn cho cả vùng kinh tế - xã hội thuộc đồng bằng Châu thổ Sông Hồng.

Miền núi phía bắc là một trong các vùng núi non hiểm trở nhất nước ta, có địa hình phân dị lớn, khí hậu biến đổi theo độ cao. Miền núi phía bắc là cái nôi của dân tộc, cái nôi của cách mạng Việt nam, một vùng đất rộng người thưa của cả nước. Đây là vùng dân tộc - địa bàn cư trú và sinh sống của nhiều dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, nhiều dân tộc, nên có nhiều phong tục tập quán, phân bố theo độ cao của địa hình (vùng rẻo cao, vùng giữa và vùng thấp) dẫn đến phát triển không đồng đều. Miền núi phía bắc là một vùng có tiềm năng lớn về các dạng tài nguyên thiên nhiên, trong đó có những dạng tài nguyên mà ở các vùng khác trên lãnh thổ Việt nam không có.

Miền núi phía bắc với một cơ sở hạ tầng, đặc biệt về giao thông vận tải kém phát triển, lạc hậu và hiện quả sử dụng chưa cao. Đời sống vật chất và tinh thần cũng như trình độ dân trí của đại đa số đồng bào trong vùng còn rất thấp so với những vùng kinh tế - xã hội khác của nước ta. Ngay trong phạm vi lãnh thổ miền núi phía bắc cũng không đều, có vùng phát triển, vùng kém phát triển hoặc chưa phát triển. Đặc biệt, đời sống của đồng bào rẻo cao còn hết sức khó khăn,

thiếu thốn. Có thể nói rằng càng lên cao theo độ cao địa hình thì càng thiếu nước, nhiệt độ càng khắc nghiệt, càng thiếu chất đốt, cuộc sống càng khó khăn, trình độ dân trí càng thấp.

Mặc dù vậy, các dân tộc anh em trong vùng nghiên cứu, phát huy truyền thống cách mạng, truyền thống đoàn kết, truyền thống thương yêu đùm bọc nhau trong khó khăn, trong hoạn nạn đã có những đóng góp to lớn trong dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc ngày nay.

Các tỉnh miền núi phía bắc vừa có những nét chung của những tỉnh miền núi, diện tích và dân tộc vừa có những đặc thù riêng của mình. Nhiều người cho rằng miền núi phía bắc có những thế mạnh rất cơ bản nhưng hiện nay vẫn còn là vùng kinh tế tự cung tự cấp, văn hoá - xã hội kém phát triển, hơn thế nữa đang trên đà suy thoái nghiêm trọng về nhiều mặt. Một trong những nguyên nhân chủ yếu của tình trạng này là chưa đánh giá đúng đắn, đánh giá một cách tổng hợp cả thiên nhiên kinh tế - xã hội và vị trí quan trọng của vùng lãnh thổ này, để từ đó có được một chiến lược kinh tế - xã hội đúng đắn, khả năng và quyết tâm đưa vùng miền núi phía bắc phát triển lên tương xứng với những đòi hỏi của cả nước và của bản thân nó.

Sau đại hội Đảng lần thứ VI, đất nước ta bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn của đổi mới đất nước. Miền núi phía bắc, một bộ phận của đất nước ta, trước tình hình đổi mới với việc chuyển từ một nền kinh tế tự cung tự cấp, một nền kinh tế bao cấp sang một nền kinh tế sản xuất hàng hoá, nền kinh tế thị trường, đòi hỏi phải xem xét lại, đánh giá lại một cách khoa học hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội của mình để định hướng đúng cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới.

Để thực hiện được mục tiêu của chương trình, Ban chủ nhiệm chương trình đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về phương pháp đánh giá tổng hợp cho tự nhiên-kinh tế-xã hội, về những nội dung cần tập trung trí tuệ giải quyết, về bước tiến hành và về tổ chức điều hành chương trình. tổng hợp

Phương pháp đánh giá/là sự kết hợp hài hoà và nhất quán từ khâu thu thập, kiểm kê, xử lý tài liệu hiện có ở Trung ương và địa phương đến khâu đánh giá tổng hợp toàn bộ hiện trạng tự nhiên kinh tế-xã hội của vùng nghiên cứu. Đánh giá tổng hợp hiện trạng tự nhiên-kinh tế-xã hội của miền núi phía bắc thực chất là công tác kiểm kê, bổ xung kiểm kê, đánh giá tổng hợp các đối tượng đó trong sự hoạt động có quy luật phát triển của tự nhiên-kinh tế xã hội, có sự tác động của con người.

Việc đánh giá tổng hợp nhằm khẳng định tiềm năng, những thế mạnh, thế yếu về tự nhiên-kinh tế - xã hội của miền núi phía bắc, dự báo trong việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng trước mắt tới năm 2000, cũng như cho lâu dài, sau năm 2000. Phải thấy được những thuận lợi, những khó khăn trong những thế mạnh đó, cái được chưa được trong quá trình đầu tư và khai thác phát triển thời gian qua. Mặt khác nữa cũng cần đánh giá những chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng miền núi phía bắc thời gian qua, nhất là những chính sách dân tộc.

Một đặc thù của chương trình này là không chỉ đánh giá tổng hợp vùng lãnh thổ nghiên cứu, mà còn đánh giá tổng hợp tự nhiên-kinh tế-xã hội cho từng tỉnh trong lãnh thổ nghiên cứu. Đánh giá tổng hợp vùng lãnh thổ trên cơ sở đánh giá tổng hợp của từng tỉnh.

Sau khi thu thập, tiến hành kiểm kê những tư liệu hiện có ở các cơ quan Trung ương và địa phương, sau khi tiến hành công việc đánh giá hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội và đề xuất những phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cho từng tỉnh thuộc miền núi, ở đây tiến hành đánh giá tổng hợp của tất cả các tỉnh ở tầm vĩ mô. Dưới đây, trình bày những tư liệu đã được xử lý, đánh giá từng thành phần tự nhiên - kinh tế - xã hội với việc nhận nhận nó trong tổng thể. Từ hiện trạng sử dụng, khai thác, quy mô phát triển, hoặc chuyên hoá, hoặc tổng hợp nhằm phục vụ cho việc đánh

Xuất phát từ đòi hỏi của bản thân vùng lãnh thổ, từ đòi hỏi của Nhà nước ở tầm vĩ mô, một chương trình cấp Nhà nước đã ra đời. Lúc đầu Ủy ban khoa học Kỹ thuật Nhà nước tổ chức đấu thầu phần Đông bắc, sau đó tiếp tục giao thêm 3 tỉnh ở Tây bắc - Chương trình : Đánh giá tổng hợp tự nhiên kinh tế - xã hội 9 tỉnh miền núi phía bắc Việt nam ra đời; Chương trình được tiến hành trong vòng một năm trên cơ sở những tư liệu hiện có ở Trung ương và địa phương. Phải nói rằng tư liệu về 9 tỉnh miền núi phía bắc về tất cả các mặt tự nhiên - kinh tế - xã hội có khá nhiều. Tài liệu tổng hợp về từng ngành, từng mặt, từng vùng lãnh thổ cũng đã có, song ở những mức độ nhất định.

Tuy nhiên việc điều tra nghiên cứu trước đây chưa xuất phát, chưa hướng tới việc đánh giá tổng hợp tự nhiên - kinh tế - xã hội lãnh thổ. Vì thế giải quyết mục đích đánh giá tổng hợp rõ ràng có nhiều tài liệu thừa, nhưng nhiều tài liệu cần có thì không có. Cũng cần nhấn mạnh thêm là 9 tỉnh miền núi phía bắc biến đổi và suy thoái khá nhanh về thế những tài liệu hiện nay dễ trở nên lạc hậu - Do đó mục tiêu và nhiệm vụ của chương trình như sau :

1. Tiến hành một bước kiểm kê, phân tích, đánh giá tổng hợp hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội 9 tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam, vạch ra thế mạnh, thế yếu với những đặc trưng, những mâu thuẫn, những mối quan hệ, những qui luật phát triển cơ bản của toàn vùng và của từng tỉnh.

2. Kiến nghị những giải pháp có ý nghĩa quyết định khả thi với những căn cứ khoa học chắc chắn, có khả năng làm chuyển biến, sống động kinh tế - xã hội của các tỉnh miền núi phía bắc trong những năm 1991 - 1995 và năm 2000.

Kiến nghị và chuẩn bị tốt những vấn đề nghiên cứu tổng hợp và chuyên đề cho những giai đoạn tiếp theo đối với miền núi phía bắc và đối với từng tỉnh trong vùng lãnh thổ nghiên cứu .

giá tổng hợp hiện trạng tự nhiên - kinh tế - xã hội của miền núi phía Bắc Việt nam.

Từ đó vạch ra những cơ sở khoa học cho việc định hướng cũng như cho những giải pháp khả thi nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc và ổn định kinh tế - xã hội của miền núi phía bắc Việt nam. Tất nhiên, nó phải phù hợp với từng vùng, từng tiểu vùng, từng trung tâm thu hút, từng tự điểm từng sắc tộc của vùng lãnh thổ nghiên cứu. Kinh tế - xã hội của vùng này phát triển đi lên sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong thập kỷ tới.

Phát triển kinh tế-xã hội ở 9 tỉnh miền núi phía bắc trên cơ sở khoa học đó là một minh chứng hùng hồn của việc kiến nghị quyết 22/BCT của Bộ chính trị và chỉ thị 72/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng vào thực tế, đến với người dân miền núi. Nó sẽ làm cho đất nước ta bước vào thế kỷ 21 với một tư thế tự tin, tự thế vững vàng với một nền kinh tế - xã hội ổn định.

Để tiến hành, Ban chủ nhiệm đã sử dụng phương pháp chuyên gia đầu ngành, chịu trách nhiệm đánh giá hiện trạng của từng ngành thông qua các báo cáo chuyên đề. Từ những báo cáo chuyên đề, Ban chủ nhiệm lại hình thành 3 nhóm đánh giá hiện trạng về tự nhiên, kinh tế và xã hội. Ba nhóm này làm việc một cách nhịp nhàng, gắn bó với nhau để đánh giá một cách tổng hợp nhất về Tự nhiên - kinh tế - xã hội của vùng nghiên cứu. Sau những lần đánh giá, Ban chủ nhiệm tổ chức hội thảo với các chuyên gia đầu ngành am hiểu miền núi về từng mặt hoặc về tổng thể, đồng thống nhất trong cách đánh giá, cùng nhau tìm lối ra cho các dân tộc thuộc 9 tỉnh miền núi phía bắc. Chương trình cũng đã được trình bày với các đồng chí Đàm Quang Trung, bí thư Trung ương Đảng, Đ/c Nông Đức Mạnh, Ủy viên trung ương Đảng, trưởng ban dân tộc trung ương và các đồng chí khác và đã được các đồng chí đó góp ý kiến cho chương trình. Có thể nói, Ban chủ nhiệm chương trình đã tranh thủ tối đa ý kiến của các đồng chí lãnh đạo ở địa phương, các chuyên gia đầu ngành ở các Bộ, các cơ quan Trung ương để hoàn tất báo cáo này.

Nhân dịp này. Ban chủ nhiệm xin có lời cảm ơn tới các đồng chí lãnh đạo ở các bộ, các ngành, các Viện, các Trung tâm, các tỉnh, tới các đồng chí chuyên gia đầu ngành và tới toàn thể anh em cán bộ đã tham gia một cách tích cực cho việc hoàn thành chương trình này.

Báo cáo ở các tỉnh đã được hoàn thành và báo cáo nghiệm thu ở cấp tỉnh từ tháng 7 và 8/1990. Sau đó ban chủ nhiệm đã mời thêm các đồng chí TS Lê Đình Thắng; PTS Nguyễn Thế Nhã, PTS Nguyễn Văn Khánh, KS Doãn Đình Lâm tham gia cùng với Ban chủ nhiệm viết báo cáo.

Về tổ chức điều hành chương trình, gồm Ban chủ nhiệm Ban thư ký ở Trung ương các ban chủ nhiệm ở các tỉnh với sự tham gia của những cán bộ ở Trung ương và các cán bộ chủ chốt ở các tỉnh (xem danh sách dưới đây).

77⁰ CHUC DIEU MANH

I. Ban chủ nhiệm chương trình :

- | | | |
|------------|--------------------|---------------|
| 1. GS : | Nguyễn Trọng Yên | Chủ nhiệm |
| 2. GS.TS : | Nguyễn Dịch Dỹ | Phó chủ nhiệm |
| 3. GS : | Nguyễn Thuong Hùng | Ủy viên |
| 4. PTS : | Nguyễn Trần Cầu | Ủy viên |
| 5. TS : | Lương Xuân Quý | Ủy viên |

2. Ban thư ký chương trình .

- | | | |
|----------|-----------------|-------------|
| 1. GS.TS | Nguyễn Dịch Dỹ | Tổng thư ký |
| 2. PTS | Lê thị Nghinh | Thư ký |
| 3. PTS | Đào Thị Miên | Thư ký |
| 4. KS | Đinh Văn Thuận | Thư ký |
| 5. KS | Nguyễn Hồng Sơn | Thư ký |

3. Các ban chủ nhiệm cho các tỉnh .

1. Quảng Ninh :

- | | | |
|--------|-----------------|-------------------------------------------|
| 1/ PTS | Vũ Phán | Chủ nhiệm (Trưởng BKKTQD) |
| 2/ | Vũ Thanh Bình | Ủy viên - |
| 3/ PTS | Nguyễn Như Bình | Ủy viên - |
| 4/ | Phạm Quang Châu | Ủy viên (Ban khoa học
Tỉnh Quảng Ninh) |

2. Lạng Sơn :

- | | | |
|--------|--------------------|---------------------------------------------------|
| 1/ PTS | Nguyễn Văn Thường, | Chủ nhiệm (Trưởng KTQD) |
| 2/ | Nguyễn Văn Hiến | Phó chủ nhiệm - |
| 3/ PTS | Nguyễn Thế Nhã | Ủy viên - |
| 4/ PTS | Trần Minh Đạo | Ủy viên - |
| 5/ | Chu Hạp | (Trưởng ban Kinh tế tỉnh Ủy
Lạng Sơn) |
| 6/ PTS | Đoàn Thụy | (Trưởng ban KHKT tỉnh Lạng Sơn |
| 7/ KS | Nguyễn Đức Vinh | (Phó chủ nhiệm Ủy ban kế
hoạch tỉnh Lạng Sơn). |

3. Cao bằng :

1/ PTS	Nguyễn Việt Ý	Chủ nhiệm (Viện Địa chất - Viện khoa học V.N)
2/ PTS	Trần Trọng Hoà	Ủy viên -
3/ PTS	Vũ Văn Ván	Ủy viên -
4/ KS	Ngô Thị Phương	Ủy viên -
5/ KS	Bùi Ân Niên	Ủy viên -
6/ KS	Phạm Tuấn Huy	Ủy viên -
7/ PTS	Hồng Hồng Thái	(Chủ tịch tỉnh Cao bằng)
8/	Ma Thế Dũng	(Phó chủ tịch tỉnh Cao bằng)
9/	Nông Công Chính	(Phó chủ nhiệm UBKH tỉnh Cao bằng)

10/

4. Bắc Thái :

1/ PTS	Trần Minh	Chủ nhiệm (Viện Địa chất - Viện KHVN)
2/ PTS	Trần Thắng	Ủy viên -
3/ PTS	Đoàn Văn Tuyển	Ủy viên -
4/ GS	Vũ Bội Kiên	Ủy viên (Tổng cục khí tượng thủy văn)
5/ PTS	Lò Thị Tiềm	(Chủ nhiệm Ban KHKT tỉnh B.T)
6/	Nguyễn Tiến Tăng	(Phó chủ nhiệm ban KHKT tỉnh Bắc Thái)
7/	Nguyễn Công Chất	(Phó chủ nhiệm UBKH tỉnh)

5. Hà Bắc :

1/ TS.	Lê Đình Thống	Chủ nhiệm (KTQD)
2/	Nguyễn Tiến Lộc	Ủy viên -
3/ PTS	Nguyễn Đình Phan	Ủy viên -
4/ PTS	Hoàng Việt	Ủy viên -
5/ PTS	Tô Xuân Dân	Ủy viên -
6/	Nguyễn Ty	(Phó chủ nhiệm - Phó chủ tịch tỉnh Hà Bắc)
7/	Hoàng Bào	(Ban KHKT Hà Bắc)